

# CÁC LOẠI TIỀN ĐƯỢC LƯU HÀNH Ở ĐÀNG TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN

HỒ CHÂU\*

Qua khảo cứu tư liệu, chúng tôi thấy rằng, tiền được lưu hành ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn gồm nhiều loại khác nhau. Ở đây, chúng tôi tạm chia các loại tiền thành hai nhóm chính là tiền trong nước và tiền nước ngoài (phần lớn do các thương nhân ngoại quốc mang đến Đàng Trong để mua các thứ hàng hóa và có khi là để bán cho chúa Nguyễn).

## 1. Các loại tiền trong nước được lưu hành ở Đàng Trong

Nhằm đi đến việc thành lập một chính quyền độc lập, một thể chế tách biệt với Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, mà đặc biệt là kể từ đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên trở đi đã từng bước tiến hành việc thiết lập cơ cấu tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước. Việc chúa Nguyễn cho đúc đồng tiền riêng ngay tại Đàng Trong cũng là để thể hiện tính tự chủ, độc lập của chúa Nguyễn ở vùng đất này, nhằm tách biệt với chính quyền của vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài về ý thức chủ quyền lãnh thổ và phương diện tài chính, ngân khố quốc gia. Vào cuối thế kỷ XVI và nửa đầu thế kỷ XVII, ở Đàng Trong, tiền được đúc bằng đồng là loại tiền được sử dụng phổ biến nhất, tuy nhiên, đến nửa sau thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII thì chúa Nguyễn cho đúc nhiều loại tiền bằng kẽm nên tiền

kẽm trở thành loại tiền được sử dụng phổ biến hơn tiền đồng.

Buổi đầu vào trấn giữ, dựng nghiệp ở vùng đất Thuận - Quảng, chúa Nguyễn vẫn cho sử dụng những loại tiền đã được lưu hành sẵn trên thị trường từ trước, ví như: tiền nhà Lê, tiền nhà Mạc và các loại tiền của Trung Quốc (được đúc thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). Lê Quý Đôn đã từng chép về việc chúa Nguyễn ở Đàng Trong cho sử dụng, lưu hành trên thị trường loại tiền do nhà Mạc đúc, sau đó đồng thời cũng cho đúc mới loại tiền giống với tiền nhà Mạc. Ông cho biết: "Họ Mạc đúc tiền gián nhỏ, có mấy chữ "Thái Bình An Pháp" (gọi là tiền gián), cũng vì thuyền chở mà chạy cả vào Thuận Hóa. Họ Nguyễn trước có lệ khi mới nổi nghiệp thì theo kiểu ấy mà đúc tiền gián nhỏ, dùng chữ "Thái Bình", nay ở dân gian còn độ một vài phân, cũng lấy 3 đồng ăn 1 đồng" (1). Chính sử nhà Nguyễn cũng cho biết điều đó: "Buổi quốc sơ thường đúc tiền đồng nhỏ (in hai chữ Thái Bình), lại có tiền cũ và tiền Khang Hy nhà Thanh, dân gian vẫn thông dụng" (2). Như vậy, có thể thấy rằng chúa Nguyễn không chỉ cho phép dùng tiền nhà Mạc nói riêng, các loại tiền khác nói chung, mà còn cho đúc thêm loại tiền riêng nhưng có sự mô phỏng theo hình dáng tiền nhà Mạc, gọi là tiền Thái Bình, An Pháp.

\*ThS. Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, Thừa Thiên Huế



Đầu thế kỷ XVII, Cristoforo Borri - một nhà truyền giáo người Ý đã đến Đàng Trong và cho biết nơi đây “tiền dùng để mua mọi thứ là thứ tiền bằng đồng và tất cả đều có giá trị bằng gần một đồng “double” và năm xu của đồng này thì bằng một “êcu”. Đồng tiền này rất tròn, có khắc con dấu và niên hiệu của nhà vua. Mỗi đồng đều có lỗ ở giữa để xâu thành từng nghìn đồng, mỗi chuỗi hay mỗi dây giá bằng hai “êcu” (3). Qua ghi chép của ông có thể biết được rằng, vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, tiền đồng là loại tiền được lưu hành rộng rãi, thông dụng nhất ở Đàng Trong. Tuy nhiên, càng về sau lượng tiền đồng ngày càng hao hụt dần do chúa Nguyễn cho người thu gom tiền đồng cũ đúc các loại vũ khí để trang bị cho quân đội nhằm chống lại quân Trịnh ở Đàng Ngoài trong các cuộc giao tranh. Cùng với đó, trong dân gian nhiều người cũng gom tiền đồng để cất giữ hoặc để nấu rồi đúc thành các thứ vật dụng. Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết: “Bấy giờ có nhiều người hủy tiền để đúc đồ dùng, số tiền cũ ngày một hao, cho nên có lệnh đúc thêm” (4).

Lượng tiền đồng ngày càng dần bị hao hụt, do vậy chúa Nguyễn đã quyết định cho đúc thêm tiền đồng để đưa vào lưu thông, mua bán, trao đổi. Nhưng bấy giờ Đàng Trong lại không có mỏ đồng, nên chúa Nguyễn phải cho mua nguồn nguyên liệu đồng của các tàu thuyền từ Đàng Ngoài lên lút mang vào bán để đúc tiền đồng. Cùng với đó, chúa Nguyễn cũng cho mua đồng từ những tàu buôn của nước ngoài (Trung Quốc, Nhật Bản, phương Tây...) để đúc tiền đồng và có khi mua cả những loại tiền đồng đã được đúc sẵn. Nhu cầu lượng tiền đồng của Đàng Trong quá lớn trong khi nguồn nguyên liệu đồng để đúc lại không

thể đáp ứng được, do vậy, chúa Nguyễn đã phải cho lưu thông, mua bán, trao đổi trên thị trường các loại tiền bằng nguyên liệu khác, ví như tiền bằng gang, thiếc, kẽm... Tuy nhiên, việc cho dùng các đồng tiền này sau đó đã dẫn đến những hệ lụy không tốt đối với tình hình kinh tế, xã hội, đời sống của cư dân Đàng Trong đương thời.

Trước tình hình đó, năm Giáp Thìn (1724), để đảm bảo tình hình kinh tế, xã hội Đàng Trong được ổn định, phát triển cũng như giữ giá trị của tiền đồng, Ký lục Chính Dinh (dinh Phú Xuân) là Nguyễn Đăng Đệ đã tâu xin với chúa Nguyễn Phúc Chu rằng: “Cấm các hạng tiền bằng gang, thiếc, chì, sắt không được dùng để mua bán, còn tiền đồng nếu không gãy mẻ thì không được chọn bỏ” (5). Và lại lúc bấy giờ nhu cầu đồng để đúc vũ khí của chúa Nguyễn ở Đàng Trong không còn cấp thiết như trước, bởi chiến tranh Trịnh - Nguyễn hòa hoãn đã lâu và cùng với đó là chúa Nguyễn đã mua được nhiều loại vũ khí hiện đại của nước ngoài để trang bị cho quân đội. Do vậy, chúa Nguyễn Phúc Chu đã đồng ý với đề xuất đó của Nguyễn Đăng Đệ, đồng thời cho tăng cường đúc thêm tiền đồng (6). Năm Ất Tỵ (1725), chúa Nguyễn Phúc Chú [Trú] lên nắm quyền vẫn tiếp tục cho đúc thêm tiền đồng. Lê Quý Đôn cho biết: “Đình quốc công Nguyễn Phúc Trú từng đúc tiền đồng, kể tốn rất nhiều” (7).

Năm Bính Thìn (1736), chúa Nguyễn Phúc Chú đồng ý cho Mạc Thiên Tứ (con trai của Mạc Cửu) làm Đô đốc trấn Hà Tiên và đồng thời “sai mỏ cục đúc tiền để tiện việc trao đổi” (8). Đây được xem như là một đặc ân của chúa Nguyễn dành cho người đứng đầu trấn Hà Tiên - Mạc Thiên Tứ, đã “ban ơn cho mở một lò đúc tiền” (9).

Đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát cầm quyền Đàng Trong, tiền đồng lại tiếp tục bị



hao hụt đi rất nhiều, bên cạnh nguyên nhân chính là do các đời chúa Nguyễn trước đó sử dụng vào việc đúc súng, đỉnh to, vạc lớn (10); thì mặt khác, dân chúng tại tiếp tục trích trữ tiền đồng hoặc dùng tiền đồng để đúc các thứ vật dụng. Cùng với đó, nguyên liệu đồng để đúc tiền đồng từ việc mua đồng và tiền đồng của tàu buôn nước ngoài cũng ngày càng khó khăn, vì vậy, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã cho đúc nhiều loại tiền kẽm để lưu thông. Lê Quý Đôn cho biết: “Hiếu quốc công Nguyễn Phúc Khoát nghe lời người khách họ Hoàng, mới mua kẽm của nước Hòa Lan để đúc tiền, mở trường đúc ở xã Lương Quán, mỗi 100 cân giá tiền 8 quan, tính trừ phí tổn về tiền ăn tiền công ra, còn được 20 quan tiền, vành và nét chữ theo dáng tiền Tường Phù nhà Tống” (11). Thoạt đầu, tiền kẽm tỏ ra có nhiều ưu điểm “việc công việc tư đều tiện tiêu dùng”, vì lúc mới đúc đồng tiền kẽm rất cứng dày, tuy đốt chảy nhưng không thể bẻ gãy được, cùng với đó là chúa Nguyễn cấm đúc tiền riêng.

Nhưng rồi chỉ một thời gian sau, tiền kẽm đã bộc lộ những mặt hạn chế của nó, gây nên những ảnh hưởng, xáo trộn đến đời sống kinh tế - xã hội của Đàng Trong; đặc biệt ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến hoạt động thương mại. Lê Quý Đôn cho biết: “Lâu dần người quý thế tranh nhau xin đúc thêm, đến hơn trăm lò, gọi là tiền “Thiên minh thông bảo”, trộn lẫn cả chì vào, tiền ngày càng nhỏ mỏng, có thể bẻ gãy được. Dân gian hiểm tiền xấu, mua bán không thông. Trước một đồng tiền kẽm ăn một đồng tiền đồng, đến nay thì ba đồng mới ăn một đồng, mà vẫn còn chọn bỏ. Thuyền buôn nước ngoài đến hết thấy không lấy, đều đổi vàng bạc và tạp hóa lấy gạo muối rồi đi. Nhà giàu chứa cất tiền không dùng được, không chịu bán thóc ra, vì thế giá gạo

cao vọt... Mới hai năm nay nước Mã Cao đem kẽm đến bán, không kém 15 vạn cân, tuyệt đối không cảm đoán, kẻ gian mua riêng đúc trộm ở nơi sơn đầu hải đảo, chẳng xét hỏi được, ở chỗ chợ búa thường thấy tiền kẽm mới mỏng và nhỏ rất nhiều” (12).

Năm Giáp Tý (1744), Pierre Poivre có mặt tại Phú Xuân đã cho biết về tệ hại phá giá của nạn tiền kẽm là do tiền kẽm có vành mỏng, xấu, nên 220 quan tiền kẽm chỉ đổi được 95 quan tiền đồng. Tiền kẽm mất giá, nạn tiền hoang hoành hành làm cho tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Đàng Trong rơi vào bất ổn. Trước tình trạng đó, năm Mậu Thìn (1748), chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh cho dân gian thông dụng tiền kẽm trắng đúc 3 năm Bính Dần (1746), Đinh Mão (1747), Mậu Thìn (1748). Nếu ai chọn bỏ thì bị trị tội (13). Chính sử nhà Nguyễn cho biết, năm Canh Dần (1770), Ngô Thế Lân - dật sĩ ở Thuận Hóa có thư bàn về vấn đề tiền tệ ở Đàng Trong, đại lược rằng: “Thế mà từ năm Mậu Tý [1768] tới nay, giá thóc cao vọt, nhân dân đói kém, là cơ làm sao? Không phải là thiếu thóc mà chính vì đồng tiền kẽm gây nên vậy. Nhân tình ai cũng ưa cái bền chắc, ghét cái chóng hư. Nay lấy đồng tiền kẽm chóng hư mà thay đồng tiền đồng bền chắc, cho nên dân đua nhau chứa thóc mà không chịu chứa tiền. Tuy nhiên, cái tệ tiền kẽm đã lâu rồi, nay muốn đổi đi, thế rất là khó, mà nạn đói của dân thế lại rất gấp” (14). Và chính sự xuất hiện, lưu thông của tiền kẽm trên thị trường không chỉ gây nên những tệ hại đối với thương nghiệp, mà nó còn là một trong những nguyên nhân chính đưa đến sự khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội Đàng Trong đương thời.



## 2. Các loại tiền nước ngoài được lưu hành ở Đàng Trong

Lãnh thổ Đàng Trong có đường bờ biển kéo dài với nhiều hải cảng tốt, thuận lợi cho việc phát triển thương mại, đặc biệt là về ngoại thương. Cristoforo Borri cho biết: “Còn về hải cảng thì thật là lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền. Là vì ở ven bờ có rất nhiều nhánh biển lớn” (15). Và ông có kết luận về tiềm năng thương mại ở Đàng Trong rằng: “Lãnh thổ phát triển thương mại rất mạnh, nhờ có các hải cảng và tất cả các quốc gia cập bến” (16). Lê Quý Đôn cũng cho biết: “Xứ Thuận Hóa, đường thủy, đường bộ liên tiếp với xứ Quảng Nam, phía hữu của xứ Quảng Nam lại thông với các nước phiên, về đường biển thì cách tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Quảng Đông không đến 3, 4 ngày, cho nên thuyền buôn từ trước đến tụ hội ở đây” (17). Pierre Mirand cũng cho rằng, ở Đàng Trong, bến cảng và vịnh Quảng Nam rất thuận lợi, giao thương giữa Trung Quốc và Nhật Bản rất mạnh mẽ, tơ lụa thì được bán rất rẻ (18).

Không chỉ có vị trí địa lý thuận lợi mà Đàng Trong còn có những cảng biển tốt,

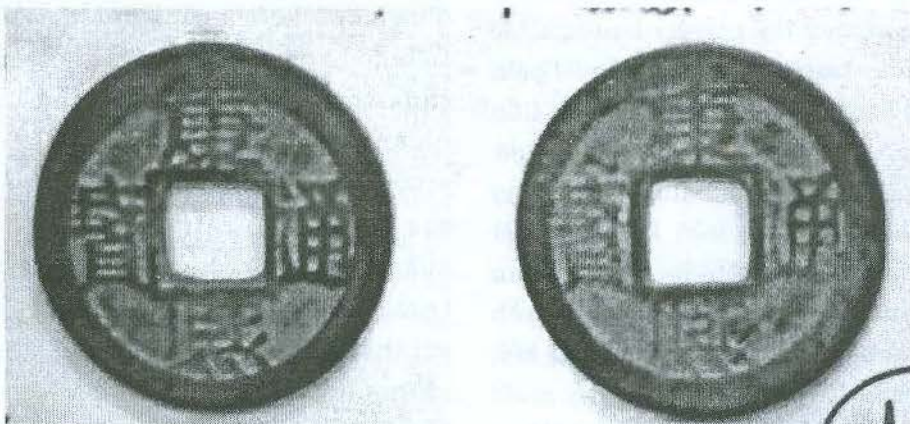
thuận lợi cho việc ra vào, neo đậu của các thuyền buôn. Thêm vào nữa là nơi đây có nền sản xuất hàng hóa phát triển, sản phẩm nông lâm thổ sản dồi dào, phong phú, đa dạng; hoạt động trao đổi, buôn bán trong nước (Đàng Trong) ngày càng sôi động. Do đó, từ rất sớm, thương nhân nhiều nước đã đến đây để làm thương mại, đông đảo nhất là người Trung Quốc và Nhật Bản. Đến đầu thế kỷ XVII, thương nhân nhiều nước phương Tây đã đến dâng lễ vật/quà tặng lên chúa Nguyễn để đặt quan hệ thương mại với chính quyền Đàng Trong.

Ở thế kỷ XVI - XVIII, Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn có quan hệ buôn bán rộng rãi với nhiều nước từ Đông sang Tây. Theo đó, nhiều loại tiền nước ngoài cũng được du nhập vào Đàng Trong, được chúa Nguyễn chấp nhận và cho lưu hành trên thị trường. Đồng thời, có nhiều lúc chúa Nguyễn còn mua tiền đúc sẵn do các thuyền buôn nước ngoài mang đến bán.

### 2.1. Tiền từ các nước phương Đông

Vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, Đàng Trong có quan hệ buôn bán mạnh mẽ với Trung Quốc và Nhật Bản; tiền của hai nước này cũng được thương nhân mang đến tiêu thụ ở Đàng Trong, mà chủ yếu là tiền đồng.

Ảnh 1: Tiền Khang Hy (Trung Quốc) thế kỷ XVII - XVIII



Nguồn: Hồ Châu, chụp ngày 07/7/2016 tại Nhà thờ tộc Trần. Địa chỉ: 21 Lê Lợi, thành phố Hội An



Tiền Trung Quốc có lẽ là tiền nước ngoài được sử dụng nhiều nhất, rộng rãi nhất ở Đàng Trong; nó bao gồm nhiều loại tiền được đúc ở những triều đại khác nhau: Đường, Tống, Minh, Thanh. Xét về mặt lịch sử thì nhà Đường và nhà Tống là hai triều đại phong kiến Trung Quốc tồn tại trước khi chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong ra đời. Đầu vậy, đến thời chúa Nguyễn, ở Đàng Trong, các loại tiền Trung Quốc được đúc dưới thời nhà Đường và nhà Tống vẫn được đem làm vật ngang giá, dùng trao đổi, mua bán hàng hóa trên thị trường. Lê Quý Đôn cho biết: “Tiền Khai Nguyên nhà Đường và các tiền Thuận Hóa, Tường Phù nhà Tống, luyện đồng rất tốt, chôn xuống đất không nát. Chũ ở tiền nhà Tống phần nhiều là chũ vua viết. Từ năm Canh Thân về trước, ở bốn trấn tiền ấy còn nhiều; từ năm Quý Hợi, Giáp Tý về sau thì ít thấy, không biết tiêu hủy thế nào. Năm Giáp Ngọ, quân nhà vua vào Thuận Hóa, biên kho tàng, thấy hơn 30 vạn quan xấu bằng mây, đều là tiền tốt, một đồng không lẫn, mới biết từ trước đều do thuyền buôn chở vào đấy.

Nay dân Nghệ An gọi là tiền mái chọn bỏ không lấy, người Thuận Hóa cũng bắt chước theo, há không phải là quá ngu sao?” (19).

Hai loại tiền của nhà Thanh là tiền Khang Hy và tiền Càn Long cũng được sử dụng, lưu hành ở Đàng Trong, chúng do Hoa thương mang sang để mua các thú hàng hóa hoặc bán cho chúa Nguyễn. Lê Quý Đôn cho biết: “Họ Nguyễn trước kia cũng dùng tiền đồng cổ hiệu Khang Hy” (20). Bấy giờ, tiền Khang Hy được chúa Nguyễn cũng như dân chúng Đàng Trong dễ dàng chấp nhận nó bởi vì người ta xem nó là loại tiền đồng bền, tốt, tiện lợi trong việc mua bán. Trong khi đó, tiền Càn Long lại ít được chuộng hơn. “Ở Trung Quốc tiêu bạc nhiều, tiêu tiền ít, tiền Càn Long gọi là chế tiền, 1 đồng ăn 2 đồng, đúc ra không nhiều, tiền cũ cũng ít, đàn bà trẻ con ở dân gian có mua bán vật nhỏ đều dùng bạc, thường cầm cân tiểu ly để cân từng phân từng hào, thuế khóa cũng thu bằng bạc không thu tiền” (21).

Quá trình giao thương với Đàng Trong, thương nhân Nhật Bản cũng đã đem các loại tiền được sản xuất trong nước sang thị

Ảnh 2: Tiền đồng Nhật Bản thế kỷ XVII





trường Đàng Trong để tiêu thụ, mua hàng hóa, trước tiên là tiền đồng (gọi là đồng đen, Zènes) và sau đó là tiền bạc (22) (Schuitjes hay Schuitgeld). Trong quá trình giao thương, một lượng lớn tiền đồng đen được thương nhân Nhật Bản mang đến tiêu thụ ở Đàng Trong. Chúa Nguyễn mua tiền đồng đen của Nhật Bản với số lượng lớn nhưng không phải nhằm mục đích để chi dùng, đưa vào lưu hành trên thị trường, mà là để đúc các vật dụng dùng trong phủ chúa; thậm chí có lúc chúa Nguyễn sai người thu mua hết tiền đồng cũ, mua cả tiền mới và đặt đúc thêm tiền mới. Vì là tiền đồng lại bền tốt nên dân chúng Đàng Trong cũng rất ưa thích tiền đồng zènes; họ còn sử dụng loại tiền đồng này để đúc đồ thờ phụng, vật dụng gia đình. Vì vậy mà nhu cầu về tiền đồng zènes Nhật Bản ở Đàng Trong tăng lên cao. Từ các thương điểm ở Nhật Bản, thương nhân Nhật Bản cũng như nhiều nước phương Tây đã mang theo nhiều tiền đồng đen sang Đàng Trong để bán hoặc dùng để mua các thứ hàng hóa chở về Nhật bán lại để kiếm lãi. Năm 1637, thương nhân Hà Lan đã mang 13.500.000 đồng đen và 763 tạ đồng (trị giá ra tiền Hà Lan là 120.960 florins) sang Đàng Trong để đổi lấy tơ, lụa và đường; sau đó chở về Nhật Bản bán lại.

Về sau, ở Nhật Bản, nguồn nguyên liệu đồng cũng trở nên khan hiếm nên chuyển sang đúc tiền bằng bạc. Bấy giờ, tại thị trường Đàng Trong cũng đang lưu thông tiền kẽm nên những đồng tiền được đúc bằng bạc được đưa từ Nhật Bản sang để dùng được chấp nhận, và so ra có ưu thế hơn tiền kẽm. Bên cạnh tiền bạc, bạc nén Nhật Bản cũng được thương nhân phương Tây mang sang Đàng Trong dùng để mua hàng hóa (chủ yếu là tơ lụa) rồi chở về Nhật Bản bán lại. Hoạt động buôn bán này

cho nhiều lãi, vì vậy đã thu hút thương nhân nhiều nước phương Tây tham gia.

Tiền bạc, bạc nén khi được mang đến Đàng Trong thì lúc trao đổi, mua bán người ta xem bao nhiêu tuổi, sau đó cân lượng để trả tiền hàng. Tuy nhiên, việc dùng tiền bạc hay bạc nén cũng gặp phải những rắc rối, vì khó khăn trong việc quy đổi giá của tiền bạc và bạc nén ra tiền đồng hay tiền kẽm. Ngay chính bản thân bạc cũng có giá trị khác nhau, tùy theo độ tuổi, chất lượng của bạc có tinh khiết không, nguyên chất hay là có lẫn tạp chất. Do vậy, giá của đồng tiền bạc thường có sự biến động lên xuống so với tiền đồng và tiền kẽm.

## 2.2. Tiền từ các nước phương Tây

Ở thế kỷ XVII - XVIII, Đàng Trong có quan hệ buôn bán với nhiều nước phương Tây như: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Theo chân giáo sĩ và thương nhân đến Đàng Trong, các loại tiền phương Tây cũng nhanh chóng được chúa Nguyễn chấp nhận, cho lưu hành trên thị trường.

Qua ghi chép của Cristoforo Borri cho biết, đầu thế kỷ XVII, ở Đàng Trong đã lưu hành nhiều loại tiền có nguồn gốc từ các nước phương Tây. Các loại tiền phương Tây được sử dụng ở Đàng Trong được ông nhắc đến là đồng đucat (23), đồng "double", đồng "écu", đồng "réal (24)",... Mỗi đồng tiền lại có giá trị khác nhau, tiền đồng ở Đàng Trong gần bằng một đồng double, năm xu đồng double thì bằng một écu... (25).

Trong quan hệ thương mại với Đàng Trong, thương nhân Hà Lan cũng mang những thứ tiền của nước họ và của nước khác đến bán rất nhiều. Bên cạnh các loại tiền có nguồn gốc từ phương Tây được kể trên, ở thị trường Đàng Trong còn lưu hành tiền Mexique (Méxicô), Espagne (Tây Ban Nha/I Pha Nho), tiền Anh ở Ấn Độ và đồng



tiền của Pháp. Năm Giáp Thân (1764), tàu buôn Anh đã mang tới Đàng Trong nhiều đồng bạc I Pha Nho (Tây Ban Nha) và tiền Anh được đúc ở Ấn Độ.

Giữa thế kỷ XVIII, một người Pháp tên là Pierre Poivre đến Đàng Trong để xin chúa Nguyễn giao dịch, buôn bán. Ông mang theo các hàng hóa đủ loại, ngoài ra còn có thêm một khối lượng bạc trụ của Mỹ Tây Cơ và của các nước khác, mà ông muốn cho tiêu thụ trong nước. Ông xin Võ Vương [Nguyễn Phúc Khoát] ra một chiếu dụ để định một tỷ giá hợp pháp. Võ Vương đã chuẩn y lời cầu xin của Poivre với điều kiện là phải in vài chữ trên trụ bạc để ổn định giá cả thị trường và ủy nhiệm cho Trương Phúc Loan in các chữ đó (26). Nhưng sau đó, Poivre bị Trương Phúc Loan chiếm đoạt mất 30.000 đồng bạc mà không chịu trả 3.000 quan như đã hứa. Ông kể lại rằng: “Ngày 6 tháng 12 (1749), tôi đến “Ôn Tha (27)” nhờ đổi cho vài đồng bạc được in dấu để nhận đồng tiền do gặp khó khăn trong những ngày tôi cần tiêu những đồng bạc mới. Vị quan đã thất lời hứa với tôi về 3.000 quan mà ông đã hứa trao cho tôi ở Hội An để đổi số bạc mà tôi đã trả tại đây, lại sợ tôi đưa ra những khiếu nại. Lúc đầu, ông bắt tôi đợi ngoài cổng, trong có một lều tranh và tại đây, tôi đã phải khổ sở vì thái độ hỗn xược của một bầy vô loại, các đầy tớ và lính tráng. Sau hai giờ ông cho người đưa những lý do rất xấu để xin lỗi và không tiếp tôi được” (28). Quả thật, đó là một điều tồi tệ đối với Poivre trong nỗ lực thiết lập quan hệ thương mại với Đàng Trong. Chính sự nhũng nhiễu, cướp đoạt của quan lại đối với các thuyền buôn nước ngoài là một trong những nguyên nhân chính làm cho ngoại thương Đàng Trong từ đầu thế kỷ

XVIII trở nên suy yếu và đến nửa sau thế kỷ XVIII thì suy yếu trầm trọng. Và cũng là lúc chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong lâm vào một cuộc khủng hoảng toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đưa đến sự sụp đổ của chính quyền Đàng Trong đương thời.

### 3. Nhận xét

Như vậy, bên cạnh các loại tiền được đúc ở trong nước (Đàng Trong, Đàng Ngoài), chúa Nguyễn ở Đàng Trong còn chấp thuận cho lưu hành trên thị trường nhiều loại tiền nước ngoài khác nhau. Trong quan hệ buôn bán với Đàng Trong, thương nhân phương Đông (chủ yếu là Trung Quốc, Nhật Bản) mang sang rất nhiều tiền, đầu tiên là tiền đồng và sau đó có thêm cả tiền làm bằng bạc, bạc nén; còn thương nhân phương Tây (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...) thì mang sang các loại tiền chủ yếu được làm bằng bạc.

Việc chúa Nguyễn ở Đàng Trong cho phép nhiều loại tiền được lưu hành rộng rãi trên thị trường đã giúp hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa ở đây diễn ra nhanh chóng, thuận lợi; từ đó góp phần thúc đẩy thương nghiệp phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là về ngoại thương. Ở thế kỷ XVII, thương nghiệp nói chung và ngoại thương nói riêng của Đàng Trong phát triển rất mạnh mẽ, thuyền buôn các nước từ Đông sang Tây tấp nập đến cập cảng để xin chúa Nguyễn thiết lập quan hệ buôn bán; và do đó đây cũng là thời kỳ mà một lượng lớn các loại tiền nước ngoài cũng được du nhập, lưu hành ở Đàng Trong. Từ giữa thế kỷ XVIII, đặc biệt là dưới đời chúa Nguyễn Phúc Khoát, việc chúa cho tăng cường đúc các loại tiền kẽm, trong đó có những loại tiền kém chất lượng, dễ hoen gỉ để lưu hành trên thị trường đã



gây nên những bất ổn đối với tình hình Đàng Trong, đặc biệt là nạn tiền mất giá. Như một hệ quả tất yếu, sự hỗn loạn và mất dần khả năng kiểm soát đối với tiền tệ của chính quyền Đàng Trong dưới thời

chúa Nguyễn Phúc Khoát đối với tiền tệ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy yếu về ngoại thương và sự khủng hoảng về kinh tế, xã hội Đàng Trong đương thời.

## CHÚ THÍCH

(1). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr.241.

(2), (4), (5), (6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Người dịch: Nguyễn Ngọc Tĩnh, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.139, 139, 135, 139.

(3). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Người dịch, chú thích: Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr.89.

(7). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr.241.

(8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Người dịch: Nguyễn Ngọc Tĩnh, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 145-146.

(9). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.120.

(10). Đến khi quân chúa Trịnh tiến vào đánh quân chúa Nguyễn, chiếm được Phú Xuân, tịch thu rất nhiều thứ, trong đó các thứ súng đồng (nòng súng đã rộng không dùng được), tấm đồng nặng lớn (không dùng được, không chở đi được), đỉnh to, vạc lớn, thùng lớn, rồi đem phá mà đúc tiền.

(11). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr.241.

(12). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 242-243.

(13), (14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Người dịch: Nguyễn Ngọc Tĩnh, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 145-146, 155, 175.

(15), (16). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Người dịch, chú thích: Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 91, 128.

(17), (19). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 252, 241.

(18). Pierre Mirand, *Les Relations de la Hollande avec le Cambodge et la Cochinchine au XVIIIe siècle*, Libr. G.P. Maisonneuve, Paris, 1906, p.1773.

(20), (21). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Người dịch: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 241, 244.

(22). Tiền được đúc từ nguyên liệu là bạc.

(23). Đồng tiền này thường được đúc bằng vàng vào thế kỷ XIII tại Venise (Ý), lúc đó là một quốc gia cộng hòa độc lập và rất thịnh vượng.

(24). Tiền réaux (réal), là tiền Hà Lan.

(25). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Người dịch, chú thích: Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 89-90.

(26). L. Cadière, "Vài gương mặt của triều Võ Vương", in trong *Những người bạn cố đô Huế (BAVH)*, tập 5, Người dịch: Đặng Như Tùng, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1918, tr. 302.

(27). Tức là Trương Phúc Loan.

(28). L. Cadière, "Vài gương mặt của triều Võ Vương" in trong *Những người bạn cố đô Huế (BAVH)*, tập 5, Người dịch: Đặng Như Tùng, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1918, tr. 306.